

OQ_PV Test Sample for Refractive Index Detector, Part Number 5064-8220

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất) : OQ_PV Test Sample for Refractive Index Detector, Part Number 5064-8220

Số bộ phận (bộ dụng cụ hóa học) : 5064-8220

Bộ phận số. :

Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (5 mg/mL)	5064-8220-1
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (10 mg/mL)	5064-8220-2
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (15 mg/mL)	5064-8220-3
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (25 mg/mL)	5064-8220-4
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL)	5064-8220-5

Số UN : Không quản lý.

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến nên tránh

Cách sử dụng nguyên liệu. :

Thuốc thử và Tiêu chuẩn Sử dụng trong Phòng thí nghiệm Hóa học Phân tích	
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (5 mg/mL)	1 x 5 ml
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (10 mg/mL)	1 x 5 ml
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (15 mg/mL)	1 x 5 ml
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (25 mg/mL)	1 x 5 ml
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL)	1 x 5 ml

Nhà cung cấp/Nhà sản xuất : Agilent Technologies, Inc.
5301 Stevens Creek Blvd
Santa Clara, CA 95051, USA
800-227-9770

Số điện thoại khẩn cấp (vòng giờ hoạt động) : CHEMTREC®:+(84)-444581771

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất**Mức xếp loại nguy hiểm**

Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (5 mg/mL)

H317	NHAY DA - Loại 1
H402	ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3
H412	ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 3

Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (10 mg/mL)

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

H317	NHẠY DA - Loại 1
H402	ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3
H412	ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 3

Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (15 mg/mL)

H317	NHẠY DA - Loại 1
H402	ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3
H412	ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 3

Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (25 mg/mL)

H317	NHẠY DA - Loại 1
H402	ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3
H412	ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 3

Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL)

H317	NHẠY DA - Loại 1
H402	ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3
H412	ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 3

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo

: Refractive Index Det OQ/
PV Test Sample (5 mg/
mL)



Refractive Index Det OQ/
PV Test Sample (10 mg/
mL)



Refractive Index Det OQ/
PV Test Sample (15 mg/
mL)



Refractive Index Det OQ/
PV Test Sample (25 mg/
mL)



Refractive Index Det OQ/
PV Test Sample (50 mg/
mL)



Từ cảnh báo

: Refractive Index Det OQ/ Cảnh báo
PV Test Sample (5 mg/
mL)

Refractive Index Det OQ/ Cảnh báo
PV Test Sample (10 mg/
mL)

Refractive Index Det OQ/ Cảnh báo
PV Test Sample (15 mg/
mL)

Refractive Index Det OQ/ Cảnh báo
PV Test Sample (25 mg/
mL)

Refractive Index Det OQ/ Cảnh báo

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

	PV Test Sample (50 mg/mL)	
Cảnh báo nguy cơ	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/mL)	H317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da. H412 - Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/mL)	H317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da. H412 - Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/mL)	H317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da. H412 - Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/mL)	H317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da. H412 - Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/mL)	H317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da. H412 - Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
Các công bố về phòng ngừa		
Ngăn chặn	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/mL)	P280 - Mang găng tay bảo hộ. P273 - Tránh thải ra môi trường. P261 - Tránh hít thở hơi.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/mL)	P280 - Mang găng tay bảo hộ. P273 - Tránh thải ra môi trường. P261 - Tránh hít thở hơi.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/mL)	P280 - Mang găng tay bảo hộ. P273 - Tránh thải ra môi trường. P261 - Tránh hít thở hơi.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/mL)	P280 - Mang găng tay bảo hộ. P273 - Tránh thải ra môi trường. P261 - Tránh hít thở hơi.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/mL)	P280 - Mang găng tay bảo hộ. P273 - Tránh thải ra môi trường. P261 - Tránh hít thở hơi.
Phản ứng	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/mL)	P362 + P364 - Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại. P302 + P352 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Hãy rửa sạch bằng nhiều nước.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/mL)	P362 + P364 - Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại.

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

		P302 + P352 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Hãy rửa sạch bằng nhiều nước.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	P362 + P364 - Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	P302 + P352 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Hãy rửa sạch bằng nhiều nước. P362 + P364 - Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	P302 + P352 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Hãy rửa sạch bằng nhiều nước. P362 + P364 - Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại.
Lưu trữ	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không áp dụng.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không áp dụng.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Không áp dụng.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không áp dụng.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không áp dụng.
Xử lý	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	P501 - Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	P501 - Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	P501 - Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	P501 - Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	P501 - Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không biết chất nào.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không biết chất nào.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Không biết chất nào.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không biết chất nào.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không biết chất nào.

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

mL)

Phần 3. Thông tin về thành phần các chất

Chất/pha chế	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (5 mg/mL)	Hỗn hợp
	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (10 mg/mL)	Hỗn hợp
	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (15 mg/mL)	Hỗn hợp
	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (25 mg/mL)	Hỗn hợp
	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL)	Hỗn hợp

Số đăng ký CAS (Dịch Vụ Thông Tin Cơ Bản Hóa Chất Của Hoa Kỳ)/ các mã số khác

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	%
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (5 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	55965-84-9	<0.1
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (10 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	55965-84-9	<0.1
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (15 mg/mL) Hoá cam du reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	56-81-5 55965-84-9	0.5 - 1.5 <0.1
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (25 mg/mL) Hoá cam du reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	56-81-5 55965-84-9	1 - 5 <0.1
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL) Hoá cam du reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	56-81-5 55965-84-9	1 - 5 <0.1

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ**Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết**

Tiếp xúc mắt	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (5 mg/mL)	Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có khó chịu.
	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (10 mg/mL)	Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có khó chịu.
	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (15 mg/mL)	Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có khó chịu.
	: Refractive Index Det OQ/	Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Hít phải

PV Test Sample (25 mg/ mL)	thoảng nhắc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có khó chịu.
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhắc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có khó chịu.
: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nói lòng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nói lòng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nói lòng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nói lòng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nói lòng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Tiếp xúc ngoài da	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu thấy có than phiền hay triệu chứng, tránh cho phơi nhiễm tiếp. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu thấy có than phiền hay triệu chứng, tránh cho phơi nhiễm tiếp. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu thấy có than phiền hay triệu chứng, tránh cho phơi nhiễm tiếp. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu thấy có than phiền hay triệu chứng, tránh cho phơi nhiễm tiếp. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu thấy có than phiền hay triệu chứng, tránh cho phơi nhiễm tiếp. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
Nuốt phải	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Không được hút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Không được hút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Không được hút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Không được hút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Không được hút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt

: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Hít phải	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tiếp xúc ngoài da	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
Nuốt phải	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
<u>Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức</u>		
Tiếp xúc mắt	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Hít phải	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
Tiếp xúc ngoài da	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ
Nuốt phải	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.

Thẻ hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (5 mg/mL)	Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.
	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (10 mg/mL)	Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.
	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (15 mg/mL)	Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.
	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (25 mg/mL)	Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.
	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL)	Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.
	Điều trị cụ thể	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (5 mg/mL)
: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (10 mg/mL)		Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (15 mg/mL)		Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (25 mg/mL)		Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL)		Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
Bảo vệ nhân viên sơ cứu		: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (5 mg/mL)
	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (10 mg/mL)	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.
	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (15 mg/mL)	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.
	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (25 mg/mL)	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.
	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL)	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.
	: Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL)	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.

Các chất chữa cháy không phù hợp	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không biết chất nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không biết chất nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Không biết chất nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không biết chất nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không biết chất nào.

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất

: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ. Vật liệu này có hại cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.
: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ. Vật liệu này có hại cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.
: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ. Vật liệu này có hại cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.
: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ. Vật liệu này có hại cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.
: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ. Vật liệu này có hại cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây: carbon dioxit carbon monoxit
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây: carbon dioxit carbon monoxit
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây: carbon dioxit carbon monoxit
Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.
Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
Cho các nhân viên cấp cứu	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.
Đề phòng cho môi trường	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn.
Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Refractive Index Det OQ/
PV Test Sample (50 mg/
mL)

không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.
Bit chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất độc. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ

: Refractive Index Det OQ/
PV Test Sample (5 mg/
mL)

Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Đừng nuốt. Tránh hít hơi hay sương. Tránh thải ra môi trường. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cẩn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

Refractive Index Det OQ/
PV Test Sample (10 mg/
mL)

Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Đừng nuốt. Tránh hít hơi hay sương. Tránh thải ra môi trường. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cẩn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

Refractive Index Det OQ/
PV Test Sample (15 mg/
mL)

Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Đừng nuốt. Tránh hít hơi hay sương. Tránh thải ra môi trường. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cẩn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

Refractive Index Det OQ/
PV Test Sample (25 mg/
mL)

Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Đừng nuốt. Tránh hít hơi hay sương. Tránh thải ra môi trường. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cẩn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

Refractive Index Det OQ/
PV Test Sample (50 mg/
mL)

Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Đừng nuốt. Tránh hít hơi hay sương. Tránh thải ra môi trường. Giữ trong đồ đựng

VII. YÊU CẦU VỀ CẮT GIỮ

Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát

- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)
Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.
- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)
Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.
- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)
Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.
- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)
Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.
- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)
Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ

- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)
Lưu trữ trong phạm vi nhiệt độ sau đây: 5 đến 30°C (41 đến 86°F). Cắt giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.
- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)
Lưu trữ trong phạm vi nhiệt độ sau đây: 5 đến 30°C (41 đến 86°F). Cắt giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.
- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)
Lưu trữ trong phạm vi nhiệt độ sau đây: 5 đến 30°C (41 đến 86°F). Cắt giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

mL)

quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đựng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

Refractive Index Det OQ/
PV Test Sample (25 mg/
mL)

Lưu trữ trong phạm vi nhiệt độ sau đây: 5 đến 30°C (41 đến 86°F). Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đựng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

Refractive Index Det OQ/
PV Test Sample (50 mg/
mL)

Lưu trữ trong phạm vi nhiệt độ sau đây: 5 đến 30°C (41 đến 86°F). Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đựng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Không.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

: Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

: Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh

: Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Bảo vệ mắt** : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính an toàn có tấm chắn bên hông.
- Bảo vệ da**
- Bảo vệ tay** : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.
- Bảo vệ thân thể** : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.
- Biện pháp bảo vệ da khác** : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
- Bảo vệ hô hấp** : Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ dưỡng khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác.

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Điều kiện đo lường của tất cả các đặc tính là ở điều kiện nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn trừ khi có quy định khác.

Bề ngoài

- Trạng thái vật lý** : Refractive Index Det OQ/ Chất lỏng.
PV Test Sample (5 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Chất lỏng.
PV Test Sample (10 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Chất lỏng.
PV Test Sample (15 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Chất lỏng.
PV Test Sample (25 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Chất lỏng.
PV Test Sample (50 mg/
mL)
- Màu sắc** : Refractive Index Det OQ/ Không màu.
PV Test Sample (5 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không màu.
PV Test Sample (10 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không màu.
PV Test Sample (15 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không màu.
PV Test Sample (25 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không màu.
PV Test Sample (50 mg/
mL)

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Mùi	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không mùi.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không mùi.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Không mùi.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không mùi.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không mùi.
Ngưỡng về mùi	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không có sẵn.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không có sẵn.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Không có sẵn.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không có sẵn.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không có sẵn.
pH	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	7
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	7
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	7
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	7
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	7
Điểm chảy/điểm đông	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	0°C (32°F)
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	0°C (32°F)
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	0°C (32°F)
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	0°C (32°F)
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	0°C (32°F)

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Điểm sôi, điểm sôi ban đầu, và dải sôi : Refractive Index Det OQ/ 100°C (212°F)
PV Test Sample (5 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ 100°C (212°F)
PV Test Sample (10 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ 100°C (212°F)
PV Test Sample (15 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ 100°C (212°F)
PV Test Sample (25 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ 100°C (212°F)
PV Test Sample (50 mg/
mL)

Điểm bùng cháy :

Tên thành phần nguy hiểm	Cốc đậy kín			Tách để mở		
	°C	°F	Phương pháp	°C	°F	Phương pháp
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (5 mg/mL) Hòa cam du				177	350.6	
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (10 mg/mL) Hòa cam du				177	350.6	
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (15 mg/mL) Hòa cam du				177	350.6	
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (25 mg/mL) Hòa cam du				177	350.6	
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL) Hòa cam du				177	350.6	

Tỷ lệ hóa hơi

: Refractive Index Det OQ/ Không có sẵn.
PV Test Sample (5 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không có sẵn.
PV Test Sample (10 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không có sẵn.
PV Test Sample (15 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không có sẵn.
PV Test Sample (25 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không có sẵn.
PV Test Sample (50 mg/
mL)

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Khả năng cháy : Refractive Index Det OQ/ Không áp dụng.
PV Test Sample (5 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không áp dụng.
PV Test Sample (10 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không áp dụng.
PV Test Sample (15 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không áp dụng.
PV Test Sample (25 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không áp dụng.
PV Test Sample (50 mg/
mL)

Giới hạn nổ trên và dưới/giới hạn cháy : Refractive Index Det OQ/ Không có sẵn.
PV Test Sample (5 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không có sẵn.
PV Test Sample (10 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không có sẵn.
PV Test Sample (15 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không có sẵn.
PV Test Sample (25 mg/
mL)
Refractive Index Det OQ/ Không có sẵn.
PV Test Sample (50 mg/
mL)

Áp suất hóa hơi :

Tên thành phần nguy hiểm	Áp suất hơi ở 20 °C			Áp suất hơi ở 50 °C		
	mm Hg	kPa	Phương pháp	mm Hg	kPa	Phương pháp
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (5 mg/mL)						
water	23.8	3.2		92.258	12.3	
reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	1.6	0.21				
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (10 mg/mL)						
water	23.8	3.2		92.258	12.3	
reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	1.6	0.21				
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (15 mg/mL)						

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

water	23.8	3.2		92.258	12.3	
reaction mass of: 5-chloro-2-methyl- 4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol- 3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	1.6	0.21				
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (25 mg/mL)						
water	23.8	3.2		92.258	12.3	
reaction mass of: 5-chloro-2-methyl- 4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol- 3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	1.6	0.21				
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL)						
water	23.8	3.2		92.258	12.3	
reaction mass of: 5-chloro-2-methyl- 4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol- 3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	1.6	0.21				

Mật độ hơi tương đối : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/mL) Không có sẵn.
 Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/mL) Không có sẵn.
 Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/mL) Không có sẵn.
 Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/mL) Không có sẵn.
 Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/mL) Không có sẵn.

Mật độ tương đối : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/mL) 1
 Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/mL) 1
 Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/mL) 1
 Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/mL) 1
 Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/mL) 1

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

- Tính hòa tan**
- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/mL) Dễ tan trong các vật liệu sau đây: nước lạnh và nước nóng.
 - : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/mL) Dễ tan trong các vật liệu sau đây: nước lạnh và nước nóng.
 - : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/mL) Dễ tan trong các vật liệu sau đây: nước lạnh và nước nóng.
 - : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/mL) Dễ tan trong các vật liệu sau đây: nước lạnh và nước nóng.
 - : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/mL) Dễ tan trong các vật liệu sau đây: nước lạnh và nước nóng.

- Hệ số phân chia nước/Octanol**
- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/mL) Không áp dụng.
 - : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/mL) Không áp dụng.
 - : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/mL) Không áp dụng.
 - : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/mL) Không áp dụng.
 - : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/mL) Không áp dụng.

Nhiệt độ tự cháy

Tên thành phần nguy hiểm	°C	°F	Phương pháp
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (5 mg/mL)			
Hòa cam du	370	698	
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (10 mg/mL)			
Hòa cam du	370	698	
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (15 mg/mL)			
Hòa cam du	370	698	
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (25 mg/mL)			
Hòa cam du	370	698	
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL)			
Hòa cam du	370	698	

- Nhiệt độ phân hủy**
- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/mL) Không có sẵn.
 - : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/mL) Không có sẵn.
 - : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/mL) Không có sẵn.

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

	mL)	
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không có sẵn.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không có sẵn.
Tính dẻo	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không có sẵn.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không có sẵn.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Không có sẵn.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không có sẵn.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không có sẵn.

Đặc tính hạt

Kích thước hạt trung bình	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không áp dụng.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không áp dụng.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Không áp dụng.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không áp dụng.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không áp dụng.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Tính ổn định	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Sản phẩm ổn định.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Sản phẩm ổn định.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Sản phẩm ổn định.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Sản phẩm ổn định.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Tình trạng cần tránh	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
Các vật liệu không tương thích	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Có thể phản ứng hay không tương thích với chất oxy hóa.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Có thể phản ứng hay không tương thích với chất oxy hóa.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Có thể phản ứng hay không tương thích với chất oxy hóa.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Có thể phản ứng hay không tương thích với chất oxy hóa.
	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Có thể phản ứng hay không tương thích với chất oxy hóa.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

PV Test Sample (50 mg/ mL) hóa.

Sản phẩm phân rã có mối nguy

- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL) Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rửa.
- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL) Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rửa.
- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL) Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rửa.
- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL) Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rửa.
- : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL) Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rửa.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3: 1)	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	0.33 mg/l	4 giờ
	LD50 Ngoài da LD50 Đường miệng	Thỏ Chuột	87.12 mg/kg 53 mg/kg	- -
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3: 1)	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	0.33 mg/l	4 giờ
	LD50 Ngoài da LD50 Đường miệng	Thỏ Chuột	87.12 mg/kg 53 mg/kg	- -
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/mL) Hóa cam du reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3: 1)	LD50 Đường miệng LC50 Hít phải Hơi	Chuột Chuột	12600 mg/kg 0.33 mg/l	- 4 giờ
	LD50 Ngoài da LD50 Đường miệng	Thỏ Chuột	87.12 mg/kg 53 mg/kg	- -
Refractive Index Det OQ/				

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

PV Test Sample (25 mg/mL) Hoà cam du reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	LD50 Đường miệng LC50 Hít phải Hơi	Chuột Chuột	12600 mg/kg 0.33 mg/l	- 4 giờ
	LD50 Ngoài da LD50 Đường miệng	Thỏ Chuột	87.12 mg/kg 53 mg/kg	- -
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL) Hoà cam du reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	LD50 Đường miệng LC50 Hít phải Hơi	Chuột Chuột	12600 mg/kg 0.33 mg/l	- 4 giờ
	LD50 Ngoài da LD50 Đường miệng	Thỏ Chuột	87.12 mg/kg 53 mg/kg	- -

Kích ứng/Ấn mồn

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm	Theo dõi tác dụng kích ứng
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (15 mg/mL) Hoà cam du	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 500 mg	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 500 mg	-
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (25 mg/mL) Hoà cam du	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 500 mg	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 500 mg	-
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL) Hoà cam du	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 500 mg	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 500 mg	-

Nhạy cảm

Không có sẵn.

Tính đột biến**Kết luận/Tóm tắt** : Không có sẵn.**Tính gây ung thư****Kết luận/Tóm tắt** : Không có sẵn.**Độc tính sinh sản**

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Kết luận/Tóm tắt : Không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Kết luận/Tóm tắt : Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra :

Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Đường xâm nhập lượng trước được: Đường miệng, Ngoài da, Hít phải.
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Đường xâm nhập lượng trước được: Đường miệng, Ngoài da, Hít phải.
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Đường xâm nhập lượng trước được: Đường miệng, Ngoài da, Hít phải.
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Đường xâm nhập lượng trước được: Đường miệng, Ngoài da, Hít phải.
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Đường xâm nhập lượng trước được: Đường miệng, Ngoài da, Hít phải.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt	:	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Hít phải	:	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tiếp xúc ngoài da	:	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
Nuốt phải	:	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

Tiếp xúc mắt	:	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
Hít phải	:	Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.
		Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘ TÍNH

Tiếp xúc ngoài da	mL) : Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL) Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL) Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL) Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL) Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ
Nuốt phải	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL) Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL) Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL) Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL) Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Không có thông tin cụ thể gì. Không có thông tin cụ thể gì. Không có thông tin cụ thể gì. Không có thông tin cụ thể gì. Không có thông tin cụ thể gì.

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tổng quát	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp.
Tính gây ung thư	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính đột biến	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Độc tính sinh sản	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
	: Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL)	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘ ĐỘC

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Đường miệng (mg/kg)	Ngoài da (mg/kg)	Hít vào (các chất khí) (ppm)	Hít vào (các chất hơi) (mg/l)	Hít vào (bụi và các thể sương) (mg/l)
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (5 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	53	87.12	N/A	0.5	N/A
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (10 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	53	87.12	N/A	0.5	N/A
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (15 mg/mL) Hoà cam du reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	12600 53	N/A 87.12	N/A N/A	N/A 0.5	N/A N/A
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (25 mg/mL) Hoà cam du reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	12600 53	N/A 87.12	N/A N/A	N/A 0.5	N/A N/A
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL) Hoà cam du reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	12600 53	N/A 87.12	N/A N/A	N/A 0.5	N/A N/A

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc Tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (5 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	Cấp tính LC50 0.16 mg/l Nước ngọt	Daphnia	48 giờ
	Cấp tính LC50 0.19 mg/l Nước ngọt mãn tính NOEC >0.0464 mg/l Nước ngọt	Cá Cá	96 giờ 96 giờ

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/ mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	Cấp tính LC50 0.16 mg/l Nước ngọt	Daphnia	48 giờ
	Cấp tính LC50 0.19 mg/l Nước ngọt mãn tính NOEC >0.0464 mg/l Nước ngọt	Cá Cá	96 giờ 96 giờ
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/ mL) Hoá cam du reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	Cấp tính LC50 54000 mg/l Nước ngọt Cấp tính LC50 0.16 mg/l Nước ngọt	Cá - Oncorhynchus mykiss Daphnia	96 giờ 48 giờ
	Cấp tính LC50 0.19 mg/l Nước ngọt mãn tính NOEC >0.0464 mg/l Nước ngọt	Cá Cá	96 giờ 96 giờ
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/ mL) Hoá cam du reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	Cấp tính LC50 54000 mg/l Nước ngọt Cấp tính LC50 0.16 mg/l Nước ngọt	Cá - Oncorhynchus mykiss Daphnia	96 giờ 48 giờ
	Cấp tính LC50 0.19 mg/l Nước ngọt mãn tính NOEC >0.0464 mg/l Nước ngọt	Cá Cá	96 giờ 96 giờ
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/ mL) Hoá cam du reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	Cấp tính LC50 54000 mg/l Nước ngọt Cấp tính LC50 0.16 mg/l Nước ngọt	Cá - Oncorhynchus mykiss Daphnia	96 giờ 48 giờ
	Cấp tính LC50 0.19 mg/l Nước ngọt mãn tính NOEC >0.0464 mg/l Nước ngọt	Cá Cá	96 giờ 96 giờ

Độ bền và khả năng phân hủy

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Tên sản phẩm/thành phần	Thử nghiệm	Kết quả	Liều lượng	Chất tiêu chuẩn
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	OECD 301B Ready Biodegradability - CO ₂ Evolution Test	62 % - Dễ dàng - 28 ngày	-	-
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	OECD 301B Ready Biodegradability - CO ₂ Evolution Test	62 % - Dễ dàng - 28 ngày	-	-
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/mL) Hoá cam du	301D Ready Biodegradability - Closed Bottle Test	93 % - 30 ngày	-	-
reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	OECD 301B Ready Biodegradability - CO ₂ Evolution Test	62 % - Dễ dàng - 28 ngày	-	-
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/mL) Hoá cam du	301D Ready Biodegradability - Closed Bottle Test	93 % - 30 ngày	-	-
reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	OECD 301B Ready Biodegradability - CO ₂ Evolution Test	62 % - Dễ dàng - 28 ngày	-	-
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/mL) Hoá cam du	301D Ready Biodegradability - Closed Bottle Test	93 % - 30 ngày	-	-
reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	OECD 301B Ready Biodegradability - CO ₂ Evolution Test	62 % - Dễ dàng - 28 ngày	-	-

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Tên sản phẩm/thành phần	Chu kỳ bán phân rã dưới nước	Quang phân	Tính bị vi khuẩn làm thối rữa
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	-	-	Dễ dàng
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	-	-	Dễ dàng
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	-	-	Dễ dàng
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	-	-	Dễ dàng
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	-	-	Dễ dàng

Khả năng tồn lưu

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Tên sản phẩm/thành phần	LogP_{ow}	BCF	Tiềm năng
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (5 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	0.326	-	thấp
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (10 mg/mL) reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	0.326	-	thấp
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (15 mg/mL) Hoá cam du reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	-1.76 0.326	- -	thấp thấp
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (25 mg/mL) Hoá cam du reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	-1.76 0.326	- -	thấp thấp
Refractive Index Det OQ/ PV Test Sample (50 mg/mL) Hoá cam du reaction mass of: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one [EC no. 247-500-7] and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one [EC no. 220-239-6] (3:1)	-1.76 0.326	- -	thấp thấp

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (K_{oc}) : Không có sẵn.

Hậu quả xấu khác : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

UN / IMDG / IATA : Không quản lý.

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO : Không có sẵn.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Phân loại chất độc (TCVN 3164-79) : 4

Quy định quốc tế

Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học các chất hóa học theo các lịch trình I, II, III

Không liệt kê.

Nghị định thư Montreal

Không liệt kê.

Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền

Không liệt kê.

Công Ước Rotterdam về Thỏa Thuận Có Hiệu Biết Trước (PIC)

Không liệt kê.

Nghị định thư UNECE Aarhus về PÓP và các kim loại nặng

Không liệt kê.

Danh mục hàng tồn kho

Úc : Không xác định.
Canada : Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Trung Quốc : Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Châu Âu : Không xác định.
Nhật Bản : **Bản kê của Nhật (CSCL):** Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Bản kê của Nhật (ISHL): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Niu Di Lân : Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Phi Luật Tân : Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Cộng Hòa Hàn Quốc : Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Đài Loan	: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Thái Lan	: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Thổ Nhĩ Kỳ	: Không xác định.
Hoa Kỳ	: Không xác định.
Việt Nam	: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Lịch sử

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 17/05/2022

Ngày phát hành lần trước : 23/06/2021

Phiên bản : 5

Bảng từ viết tắt

ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
BCF = Hệ số nồng độ sinh học
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
IBC = Côngtenơ khổ trung
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
LogPow = Lôgarit của hệ số phân chia octanol/nước
MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
N/A = Không có sẵn
UN = Liên hợp quốc

Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại

Phân loại	Cơ sở lý luận
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (5 mg/mL) NHAY DA - Loại 1 ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3 ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 3	Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (10 mg/mL) NHAY DA - Loại 1 ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3 ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 3	Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (15 mg/mL) NHAY DA - Loại 1 ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3 ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 3	Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (25 mg/mL) NHAY DA - Loại 1 ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3 ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 3	Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán
Refractive Index Det OQ/PV Test Sample (50 mg/mL) NHAY DA - Loại 1 ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3 ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 3	Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán Phương pháp tính toán

Tham khảo : Không có sẵn.

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Tuyên bố giải trừ Những thông tin trong tài liệu này dựa trên những kiến thức của Agilent tại thời điểm soạn thảo. Không đảm bảo tính chính xác, hoàn hảo hay phù hợp cho một mục đích cá biệt nào đó được thể hiện hay hàm ý.